

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BOS**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN QUẢN TRỊ	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 7
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	8 - 10
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	11 - 12
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	13 - 14
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	15
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	16 - 41



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BOS

Tầng 25 Tòa nhà văn phòng 265 Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN QUẢN TRỊ

Ban Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 kèm theo và đã được Ban quản trị phê duyệt.

#### BAN QUẢN TRỊ

Ban quản trị Công ty bao gồm: Hội đồng Quản trị (“HĐQT”), Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty trong năm 2022 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Bà Lê Thị Trúc Quỳnh	Chủ tịch	Bỏ nhiệm ngày 10/04/2023
Bà Phạm Thị Thanh Mai	Chủ tịch	Bỏ nhiệm ngày 11/11/2022 Miễn nhiệm ngày 10/04/2023
Ông Trịnh Văn Nam	Chủ tịch	Bỏ nhiệm ngày 29/09/2022 Miễn nhiệm ngày 11/11/2022
	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 16/08/2022 Miễn nhiệm ngày 09/10/2023
Ông Lê Bá Phương	Chủ tịch	Bỏ nhiệm ngày 16/08/2022 Miễn nhiệm ngày 29/09/2022
	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 16/08/2022 Miễn nhiệm ngày 10/04/2023
Ông Chu Tiến Vượng	Chủ tịch	Bỏ nhiệm ngày 12/04/2022 Miễn nhiệm ngày 16/08/2022
Bà Hương Trần Kiều Dung	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 08/04/2022
Ông Nguyễn Thành Lê	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 09/10/2023
Ông Nguyễn Thanh Cầm	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 10/04/2023
Bà Trịnh Thị Thúy Nga	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 05/04/2022
Bà Nguyễn Quỳnh Nga	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16/08/2022
Ông Lê Bá Nguyễn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16/08/2022

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thành Lê	Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 03/07/2023
Bà Nguyễn Quỳnh Anh	Tổng Giám đốc	Chấm dứt hợp đồng lao động ngày 13/01/2023
Bà Trịnh Thị Thúy Nga	Phó Tổng Giám đốc	Tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động ngày 06/04/2022

#### Ban Kiểm soát

Bà Vũ Thị Hương	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Đăng Vụ	Thành viên	
Bà Bùi Thị Quỳnh Trang	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 16/08/2022
Bà Phan Thị Bích Phượng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16/08/2022

#### Kế toán trưởng

Bà Đào Thị Kim Ngân	Kế toán trưởng	Bỏ nhiệm ngày 04/10/2023
Bà Nguyễn Thị Thùy	Kế toán trưởng	Bỏ nhiệm ngày 05/09/2023 Miễn nhiệm ngày 04/10/2023
Nguyễn Thị Bích Hằng	Phụ trách kế toán	Bỏ nhiệm ngày 27/06/2023 Miễn nhiệm ngày 05/09/2023
Bà Trần Thị Lan	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 22/06/2023

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BOS**

Tầng 25 Tòa nhà văn phòng 265 Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

### **BÁO CÁO CỦA BAN QUẢN TRỊ (TIẾP)**

#### **Người đại diện theo pháp luật**

Theo điều lệ Công ty thì người đại diện pháp luật là Chủ tịch HĐQT. Theo Nghị quyết HĐQT số 04/2023/NQ-HĐQT-BOS ngày 10/04/2023 thì Bà Lê Thị Trúc Quỳnh đã được HĐQT bầu làm chủ tịch HĐQT và là người đại diện pháp luật. Tuy nhiên, đến thời điểm lập báo cáo này Công ty đã có văn bản gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) nhưng chưa được UBCKNN chấp thuận bằng văn bản việc thay đổi người đại diện pháp luật.

Trong quá trình chờ UBCKNN chấp thuận thì Bà Lê Thị Trúc Quỳnh sẽ là người đại diện pháp luật và thực hiện ký các Báo cáo tài chính với tư cách là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

#### **CÁC SỰ KIỆN BẤT THƯỜNG VÀ SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Quản trị Công ty khẳng định rằng, ngoài các sự kiện được trình bày tại Thuyết minh số 40, 41, 42 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, không có sự kiện quan trọng nào khác có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 kèm theo.

Các sự kiện quan trọng khác (nếu có) sẽ được Công ty công bố cập nhật bổ sung ngay khi các thông tin này có ảnh hưởng trọng yếu liên quan đến Báo cáo tài chính hoặc cần thiết cần phải công bố theo quy định.

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN QUẢN TRỊ**

Ban Quản trị Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm 2022 và được Ban Quản trị phê duyệt. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Quản Trị được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Quản trị xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Quản trị Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Quản trị cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BOS**

Tầng 25 Tòa nhà văn phòng 265 Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

---

**BÁO CÁO CỦA BAN QUẢN TRỊ (TIẾP)**

**CAM KẾT KHÁC**

Ban Quản trị cam kết rằng Công ty đã tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30/12/2020 hướng dẫn về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Quản trị



**Lê Thị Trúc Quỳnh**

**Chủ tịch Hội đồng Quản trị**

Hà Nội, ngày 17 tháng 11 năm 2023

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 17/11/2023, từ trang 8 đến trang 41, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Quản trị**

Ban Quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### **Cơ sở của việc đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Tại ngày 31/12/2022, trong số dư khoản phải thu khác, có bao gồm khoản đặt cọc còn lại mua cổ phần của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Unicap với giá trị 63,5 tỷ đồng từ năm trước chuyển sang. Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) và Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) đã có Nghị quyết về việc đánh giá các khoản này không có khả năng thu hồi và thực hiện trích lập dự phòng 100% giá trị trên Báo cáo tài chính này. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này chúng tôi không thực hiện được việc xác nhận số dư đối với khoản đặt cọc này và chúng tôi cũng không thu thập được xác nhận sở hữu cổ phần tại các doanh nghiệp liên quan của các đối tượng nhận đặt cọc. Do đó, chúng tôi không đánh giá được tính hiện hữu của số dư nêu trên cũng như việc trích lập dự phòng toàn bộ vào chi phí của năm 2022 có hợp lý hay không.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Cơ sở của việc đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp)

Tại ngày 31/12/2022, trong số dư khoản cho vay, có bao gồm khoản cho vay ký quỹ mã chứng khoán GAB với giá trị là 114.411.857.455 đồng. ĐHCĐ và HĐQT đã có Nghị quyết về việc đánh giá các khoản này không có khả năng thu hồi và thực hiện trích lập dự phòng 100% giá trị trên Báo cáo tài chính này. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi không thực hiện được các thủ tục đối chiếu xác nhận công nợ với các đối tượng liên quan. Do đó, chúng tôi không đánh giá được tính hiện hữu và hợp lý đối với các khoản cho vay này.

Tại ngày 31/12/2022, trong số dư khoản phải thu khác, có bao gồm khoản tài sản thiếu chờ xử lý là 467.155.415.291 đồng. Theo Ban Quản trị đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng hải (MSB) nhưng MSB tự động thu giữ và chưa giải thích đầy đủ nguyên nhân cho Công ty. ĐHCĐ và HĐQT đã có Nghị quyết về việc đánh giá các khoản này không có khả năng thu hồi và thực hiện trích lập dự phòng 100% giá trị trên Báo cáo tài chính này. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành Báo cáo này, chúng tôi vẫn chưa thu thập được tài liệu liên quan đến giao dịch cũng như quá trình hình thành số dư của khoản phải thu này. Theo đó, chúng tôi không đánh giá được tính hợp lý của giao dịch cũng như số dư của khoản mục này.

Tại ngày 31/12/2022, Công ty đánh giá lại/trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư góp vốn vào Công ty CP Đầu tư kinh doanh Phát triển Bất động sản FLCHOMES và Công ty CP Quản lý vốn và Tài sản FLC Holding (đầu tư từ các năm trước). Công ty đã đánh giá khoản tổn thất đầu tư và đã thực hiện trích lập dự phòng 100% giá trị tương ứng 209,599 tỷ đồng. Tuy nhiên chúng tôi không xác định được giá trị khoản tổn thất nêu trên thực tế phát sinh vào thời điểm nào nên không xác định được việc ghi nhận khoản tổn thất trên vào năm 2022 có phù hợp hay không.

Trong năm 2022, Doanh thu môi giới, lãi cho vay giao dịch ký quỹ, lãi ứng trước tiền bán, phí lưu ký liên quan với các doanh nghiệp mà các người đại diện pháp luật là các đối tượng bị khởi tố vụ án và các cá nhân bị khởi tố trong vụ án khoảng trên 10 tỷ đồng. Trong các năm trước, cũng có thể có các khoản doanh thu môi giới, lãi cho vay ký quỹ, lãi ứng trước tiền bán liên quan đến vụ việc nêu trên. Hiện nay, chưa có kết luận chính thức của cơ quan điều tra nên Công ty chưa có cơ sở để xác định được giai đoạn, thời điểm và giá trị doanh thu liên quan đến vụ việc thao túng chứng khoán nêu trên nên không có cơ sở xử lý. Trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền phán quyết, Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh theo các phán quyết có liên quan. Do đó, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng (nếu có) của các khoản này đến Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán áp dụng cho công ty Chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

*Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 40 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính:*

*Người đại diện pháp luật của Công ty chưa được chấp thuận của UBCK*

Theo điều lệ Công ty thì người đại diện pháp luật là Chủ tịch HĐQT. Theo Nghị quyết HĐQT số 04/2023/NQ-HĐQT-BOS ngày 10/04/2023 thì Bà Lê Thị Trúc Quỳnh đã được HĐQT bầu làm chủ tịch HĐQT và là người đại diện pháp luật. Tuy nhiên, đến thời điểm lập báo cáo này Công ty đã có văn bản gửi Ủy ban chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) nhưng chưa được UBCKNN chấp thuận bằng văn bản việc thay đổi người đại diện pháp luật.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Vấn đề cần nhấn mạnh (tiếp)

**Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 40 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính:**

Liên quan đến Vụ án thao túng thị trường chứng khoán và lừa đảo chiếm đoạt tài sản xảy ra tại Công ty CP Tập đoàn FLC, Công ty CP Chứng khoán BOS, Công ty CP Xây dựng Faros và các công ty liên quan (“*Vụ án thao túng thị trường chứng khoán*”), một số cá nhân lãnh đạo Công ty đã bị cơ quan điều tra Bộ Công An ra quyết định khởi tố bắt tạm giam để thực hiện điều tra Vụ án thao túng thị trường chứng khoán. Cho đến thời điểm hiện nay, cơ quan Cảnh sát điều tra và các cơ quan tố tụng vẫn đang trong quá trình giải quyết vụ án và chưa có phán quyết cuối cùng. Ban lãnh đạo Công ty cho rằng: việc khởi tố các cá nhân nêu trên chỉ liên quan đến trách nhiệm của các cá nhân trong quá trình thực hiện công việc của Công ty.

Đến thời điểm lập báo cáo này, Vụ án vẫn đang trong quá trình giải quyết và chưa có phán xét cuối cùng. Ban Quản trị chưa có cơ sở để thực hiện các điều chỉnh (nếu có) liên quan đến Vụ việc nêu trên.

**Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 39 và thuyết minh số 41 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính:**

Tại ngày 31/12/2022, lỗ lũy kế của Công ty là 821.009.001.282 đồng, đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty có một số sự kiện phát sinh sau ngày kết năm tài chính dẫn đến việc liên quan tới sự thu hẹp hoạt động kinh doanh của Công ty hiện nay và trong thời gian tới. Tuy nhiên, Ban lãnh đạo Công ty đang tập trung nhiều nguồn lực giải quyết các vấn đề liên quan để Công ty có thể hoạt động bình thường và tình hình tài chính hiện tại Công ty hoàn toàn có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ. Do đó, Báo cáo tài chính kèm theo này vẫn được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

**Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 10 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính:**

Khoản phải thu khác với Nhà đầu tư đang phản ánh khoản chênh lệch thu nợ giải ngân nghiệp vụ cho vay margin và ứng trước tiền bán chứng khoán với nhà đầu tư do: khoản tiền thu nợ của nhà đầu tư chủ yếu đang nằm trên các tài khoản ngân hàng khác ngoài ngân hàng BIDV và người đại diện pháp luật của Công ty chưa được UBCK chấp thuận bằng văn bản để có thể chuyển tiền từ tài khoản của nhà đầu tư về tài khoản Công ty với giá trị tại ngày 31/12/2022 là 18,8 tỷ đồng (số dư tài khoản tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý là 47,7 tỷ đồng, trong đó bao gồm cả 18,8 tỷ khoản phải thu về tài khoản công ty).

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác và đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 22/03/2022 theo báo cáo kiểm toán số 1705.01.03/2021/BCTC-NVT2.



**Phạm Gia Đạt**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán số:  
0798-2023-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

Hà Nội, ngày 17 tháng 11 năm 2023

**Nguyễn Văn Hải**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán số:  
1395-2023-112-1



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2022 VND	Tại 01/01/2022 VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>142.907.114.902</b>	<b>1.134.129.391.528</b>
<b>TÀI SẢN TÀI CHÍNH</b>	<b>110</b>		<b>107.695.659.884</b>	<b>1.101.238.632.435</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	61.707.736.350	18.444.802.595
<i>Tiền</i>	<i>111.1</i>		<i>61.707.736.350</i>	<i>18.444.802.595</i>
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	112	7	9.914.437.113	356.285.099.350
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113		-	474.140.000.000
Các khoản cho vay	114	8	128.159.626.154	181.265.735.779
Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	9	(114.411.857.455)	-
Các khoản phải thu	117	10	217.340.919	3.057.648.505
<i>Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính</i>	<i>117.2</i>		<i>217.340.919</i>	<i>3.057.648.505</i>
Trả trước cho người bán	118	10	2.760.847.500	3.866.187.700
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	10	29.247.385.928	29.305.529.105
Các khoản phải thu khác	122	10	550.142.548.569	63.982.764.387
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	11	(560.042.405.194)	(29.109.134.986)
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC</b>	<b>130</b>		<b>35.211.455.018</b>	<b>32.890.759.093</b>
Tạm ứng	131		28.921.200	290.746.700
Chi phí trả trước ngắn hạn	133	12	200.813.599	574.852.393
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134	13	32.025.160.000	32.025.160.000
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	136	19	2.956.560.219	-
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>34.684.044.798</b>	<b>37.365.763.928</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>6.688.680.972</b>	<b>11.485.446.711</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	17	1.477.463.554	2.733.218.315
- Nguyên giá	222		17.685.357.475	17.134.165.075
- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(16.207.893.921)	(14.400.946.760)
Tài sản cố định vô hình	227	14	5.211.217.418	8.752.228.396
- Nguyên giá	228		25.014.519.948	25.014.519.948
- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(19.803.302.530)	(16.262.291.552)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>250</b>		<b>27.995.363.826</b>	<b>25.880.317.217</b>
Chi phí trả trước dài hạn	252	12	28.529.734	39.718.859
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	15	17.905.861.392	15.799.671.515
Tài sản dài hạn khác	255	16	10.060.972.700	10.040.926.843
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>177.591.159.700</b>	<b>1.171.495.155.456</b>

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2022	Tại 01/01/2022
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>7.067.581.419</b>	<b>13.982.363.301</b>
<b>Nợ phải trả ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>7.067.581.419</b>	<b>13.982.363.301</b>
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	18	1.148.487.431	2.463.469.277
Phải trả người bán ngắn hạn	320		546.645.015	531.400.038
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		477.500.000	653.750.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	19	92.831.987	3.947.952.315
Phải trả người lao động	323		664.049.267	1.585.802.154
Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		55.414.875	106.968.215
Chi phí phải trả ngắn hạn	325	20	809.190.000	793.730.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	21	276.993.404	276.091.092
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		2.996.469.440	3.623.200.210
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>170.523.578.281</b>	<b>1.157.512.792.155</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>170.523.578.281</b>	<b>1.157.512.792.155</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		969.530.383.997	969.530.383.997
Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		969.225.090.000	969.225.090.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		969.225.090.000	969.225.090.000
Thặng dư vốn cổ phần	411.2		(219.330.000)	(219.330.000)
Vốn khác của chủ sở hữu	411.4		524.623.997	524.623.997
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		10.724.210.951	10.724.210.951
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		11.263.566.694	11.263.566.694
Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		14.417.921	774.230.438
Lợi nhuận chưa phân phối	417		(821.009.001.282)	165.220.400.075
Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		(533.675.507.195)	105.847.323.025
Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		(287.333.494.087)	59.373.077.050
<b>TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>440</b>		<b>177.591.159.700</b>	<b>1.171.495.155.456</b>

Nguyễn Thị Hạnh  
Người lập biểu

Đào Thị Kim Ngân  
Kế toán trưởng



Lê Thị Trúc Quỳnh  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 17 tháng 11 năm 2023

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2022	Tại 01/01/2022
			VND	VND
<b>TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>				
Cổ phiếu đang lưu hành	006		96.922.509	96.922.509
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008	23	20.914.980.000	20.249.340.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK	009	24	81.110.820.000	81.110.000.000
Tài sản tài chính chờ về của CTCK	010			
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012	25	49.050.000.000	49.050.000.000
<b>TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>				
<b>Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư</b>	<b>021</b>	<b>26</b>	<b>1.340.608.590.000</b>	<b>1.369.834.010.000</b>
<i>Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng</i>	<i>021.1</i>		<i>379.579.010.000</i>	<i>1.345.602.750.000</i>
<i>Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng</i>	<i>021.2</i>		<i>1.406.000.000</i>	-
<i>Tài sản tài chính giao dịch cầm cố</i>	<i>021.3</i>		<i>8.000.000.000</i>	<i>8.000.000.000</i>
<i>Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ</i>	<i>021.4</i>		<i>944.641.980.000</i>	<i>2.372.770.000</i>
<i>Tài sản tài chính chờ thanh toán</i>	<i>021.5</i>		<i>6.981.600.000</i>	<i>13.858.490.000</i>
<b>Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư</b>	<b>022</b>	<b>27</b>	<b>30.916.720.000</b>	<b>32.282.740.000</b>
<i>Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng</i>	<i>022.1</i>		<i>30.916.720.000</i>	<i>32.282.740.000</i>
<b>Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư</b>	<b>023</b>	<b>28</b>	<b>4.008.000.000</b>	-
<b>Tiền gửi của khách hàng</b>	<b>026</b>	<b>29</b>	<b>49.020.759.667</b>	<b>136.725.718.998</b>
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		47.861.086.397	136.584.859.650
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029		1.159.673.270	140.859.348
<i>Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>029.1</i>		<i>1.159.673.270</i>	<i>140.859.348</i>
<b>Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</b>	<b>031</b>	<b>30</b>	<b>30.204.506.136</b>	<b>136.579.413.011</b>
<i>Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	<i>031.1</i>		<i>30.204.506.136</i>	<i>136.579.413.011</i>
<b>Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán</b>	<b>032</b>		-	<b>144.982.000</b>
<b>Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu</b>	<b>035</b>		<b>103.340</b>	<b>11.000</b>




**Nguyễn Thị Hạnh**  
Người lập biểu



**Đào Thị Kim Ngân**  
Kế toán trưởng



  
**Lê Thị Trúc Quỳnh**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Hà Nội, ngày 17 tháng 11 năm 2023

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Doanh thu hoạt động</b>				
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		6.018.079	9.775.456.302
<i>Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL</i>	<i>01.1</i>		-	<i>600.000.000</i>
<i>Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL</i>	<i>01.2</i>		<i>893.150</i>	<i>9.175.364.090</i>
<i>Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL</i>	<i>01.3</i>	31	<i>5.124.929</i>	<i>92.212</i>
Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	31	3.455.408.605	15.253.620.323
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	31	9.130.973.491	31.636.247.006
Doanh thu môi giới chứng khoán	06		15.747.945.121	35.361.959.830
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		383.897.665	680.708.433
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10		735.227.272	800.000.000
<b>Cộng doanh thu hoạt động</b>	<b>20</b>		<b>29.459.470.233</b>	<b>93.507.991.894</b>
<b>Chi phí hoạt động</b>				
Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	21		346.707.464.287	27.436.082.550
<i>Lỗ bán các tài sản tài chính</i>	<i>21.1</i>		-	<i>4.550.000.000</i>
<i>Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL</i>	<i>21.2</i>		<i>346.707.464.287</i>	<i>22.886.082.550</i>
Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24	32	114.411.857.455	-
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	32	10.379.471.020	15.433.783.334
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	32	644.493.518	624.122.459
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31	32	463.615.240	956.700.033
<b>Cộng chi phí hoạt động</b>	<b>40</b>		<b>472.606.901.520</b>	<b>44.450.688.376</b>
<b>Doanh thu hoạt động tài chính</b>				
Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không có định phát sinh trong năm	42	33	950.094.999	973.541.257
<b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>50</b>		<b>950.094.999</b>	<b>973.541.257</b>
<b>Chi phí quản lý công ty chứng khoán</b>	<b>62</b>	<b>34</b>	<b>76.856.050.499</b>	<b>12.741.943.630</b>
<b>Kết quả hoạt động</b>	<b>70</b>		<b>(519.053.386.787)</b>	<b>37.288.901.145</b>

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (TIẾP)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Thu nhập khác và chi phí khác</b>				
Thu nhập khác	71		-	44.370.005
Chi phí khác	72	35	467.176.014.570	215.766.700
<b>Cộng kết quả hoạt động khác</b>	<b>80</b>		<b>(467.176.014.570)</b>	<b>(171.396.695)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>90</b>		<b>(986.229.401.357)</b>	<b>37.117.504.450</b>
Lợi nhuận đã thực hiện	91		(639.522.830.220)	50.828.222.910
Lợi nhuận chưa thực hiện	92		(346.706.571.137)	(13.710.718.460)
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>100</b>		-	<b>3.226.628.513</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1		-	3.226.628.513
<b>Lợi nhuận/(lỗ) kế toán sau thuế TNDN</b>	<b>200</b>		<b>(986.229.401.357)</b>	<b>33.890.875.937</b>
<b>Thu nhập thuần trên cổ phiếu phổ thông</b>	<b>500</b>		<b>(10.175)</b>	<b>491,13</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/1 cổ phiếu)	501	36	(10.175)	491,13

Nguyễn Thị Hạnh  
Người lập biểu

Đào Thị Kim Ngân  
Kế toán trưởng



Lê Thị Trúc Quỳnh  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Hà Nội, ngày 17 tháng 11 năm 2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Tiền đã chi mua các tài sản tài chính	01		(187.508.371.201)	(1.104.863.560.584)
Tiền đã thu từ bán các tài sản tài chính	02		238.559.252.113	1.010.999.709.208
Tiền chi nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	03		(1.375.575.042)	(1.292.315.358)
Cổ tức đã nhận	04		5.124.929	92.212
Tiền lãi đã thu	05		15.626.123.989	54.984.915.287
Tiền chi trả Tổ chức cung cấp dịch vụ cho CTCK	07		(9.461.192.740)	(11.412.164.111)
Tiền chi trả cho người lao động	08		(9.991.564.452)	(9.369.697.749)
Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động CTCK	09		(9.776.513.193)	(5.106.024.026)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	11		16.475.685.335	85.856.166.930
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	12		(8.798.619.783)	(66.569.481.600)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>43.754.349.955</b>	<b>(46.772.359.791)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	21		(491.416.200)	(500.000.000)
Tiền chi đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty	23		-	(725.340.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác	24		-	521.200.000.000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(491.416.200)</b>	<b>(204.640.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Tăng/giảm tiền thuần trong năm	50		43.262.933.755	(251.412.359.791)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		18.444.802.595	269.857.162.386
Tiền	61		18.444.802.595	269.857.162.386
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	5	61.707.736.350	18.444.802.595

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		869.266.497.184	1.337.278.406.460
Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(8.113.140.297.571)	(17.631.597.542.398)
Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		7.156.540.792.117	16.388.847.111.307
Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	08		(371.951.061)	(700.593.791)
<b>Tăng/giảm tiền thuần trong năm</b>	<b>20</b>		<b>(87.704.959.331)</b>	<b>93.827.381.578</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng</b>	<b>30</b>		<b>136.725.718.998</b>	<b>42.898.337.420</b>
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	31		136.725.718.998	42.898.337.420
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32		-	42.366.453.854
Trong đó có kỳ hạn				
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	33		140.859.348	531.883.566
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng</b>	<b>40</b>		<b>49.020.759.667</b>	<b>136.725.718.998</b>
Tiền gửi ngân hàng cuối năm:	41		49.020.759.667	136.725.718.998
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42		47.861.086.397	136.584.859.650
Trong đó có kỳ hạn				
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44		1.159.673.270	140.859.348

Nguyễn Thị Hạnh  
Người lập biểu

Đào Thị Kim Ngân  
Kế toán trưởng



Lê Thị Trúc Quỳnh  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Hà Nội, ngày 17 tháng 11 năm 2023

## BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Chi tiêu	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm		Số dư cuối năm		
	Tại 01/01/2021		Năm 2021		Năm 2022		
	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	969.530.383.997	-	-	-	969.225.090.000	-	969.225.090.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	969.225.090.000	-	-	-	969.225.090.000	-	969.225.090.000
- Thặng dư vốn cổ phần	(219.330.000)	-	-	-	(219.330.000)	-	(219.330.000)
- Vốn khác của chủ sở hữu	524.623.997	-	-	-	524.623.997	-	524.623.997
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	10.724.210.951	-	-	-	10.724.210.951	-	10.724.210.951
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	11.263.566.694	-	-	-	11.263.566.694	-	11.263.566.694
Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.349.230.439	(575.000.001)	-	(759.812.517)	774.230.438	-	14.417.921
Lợi nhuận chưa phân phối	131.329.524.138	47.601.594.397	(13.710.718.460)	(986.229.401.357)	165.220.400.075	165.220.400.075	(821.009.001.282)
- Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	58.245.728.628	47.601.594.397	-	(639.522.830.220)	105.847.323.025	105.847.323.025	(533.675.507.195)
- Lợi nhuận chưa thực hiện	73.083.795.510	-	(13.710.718.460)	(346.706.571.137)	59.373.077.050	59.373.077.050	(287.333.494.087)
<b>Cộng</b>	<b>1.124.196.916.219</b>	<b>1.157.512.792.155</b>	<b>47.601.594.397</b>	<b>(14.285.718.461)</b>	<b>1.157.512.792.155</b>	<b>1.157.512.792.155</b>	<b>170.523.578.281</b>



**Nguyễn Thị Hạnh**  
Người lập biểu



**Đào Thị Kim Ngân**  
Kế toán trưởng



**Lê Thị Trúc Quỳnh**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Hà Nội, ngày 17 tháng 11 năm 2023



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1. HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS (“Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 85/UBCK-GP ngày 03 tháng 03 năm 2008 và các Giấy phép điều chỉnh cấp bởi ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp gần nhất số 0102669368 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 30/06/2021. Vốn điều lệ của Công ty là 969.225.090.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2022 là 33 người (tại ngày 01/01/2022 là 51 người).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 25 Tòa nhà văn phòng 265 Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

**1.2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH**

**Hoạt động chính**

Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Tư vấn tài chính; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán; Môi giới chứng khoán phái sinh; Tự doanh chứng khoán phái sinh.

**Hạn chế đầu tư**

Danh mục đầu tư của Công ty và các hạn chế đầu tư phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ trong Điều lệ hoạt động của Công ty và pháp luật chứng khoán hiện hành:

1. Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
2. Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại Khoản 1 Điều này và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá 50% giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
3. Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.
4. Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:
  - a) Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên 50% vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
  - b) Cùng với người có liên quan đầu tư từ 5% trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
  - c) Đầu tư quá 20% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
  - d) Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
  - đ) Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
  - e) Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH (TIẾP)**

g) Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL được ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường) phù hợp với Chuẩn mực kế toán. Chế độ Kế toán Công ty Chứng khoán, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

**Đơn vị tiền tệ**

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam "VND" và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đồng Việt Nam.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Công ty Chứng khoán Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

**HÌNH THỨC KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung trên máy tính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán Công ty Chứng khoán, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Quản trị phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán**

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản đặt cọc ủy thác của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán. Khoản tiền này đang được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính.

**Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSD**

Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD phản ánh các khoản tiền đặt cọc của nhà đầu tư cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán phái sinh. Khoản tiền này đang được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính.

**Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán**

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản ký quỹ cho việc thực hiện các giao dịch xóa lệnh và khớp lệnh tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

**Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong số các điều kiện sau:

(i) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu do mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) (tiếp)**

(ii) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:

- Việc phân loại vào các tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau.
- Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Đối với các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK mua vào: Cơ sở ghi nhận tăng/giảm số lượng và giá trị chứng khoán FVTPL mua trong Danh mục tài sản tài chính của CTCK được tính tại ngày T+0.

Cuối kỳ kế toán phải đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường).

- Đối với các tài sản tài chính FVTPL niêm yết/đăng ký giao dịch, giá thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất.
- Đối với các tài sản tài chính FVTPL không niêm yết/đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán hoặc các tài sản bị hủy niêm yết/đình chỉ giao dịch, Công ty không thu thập được giá thị trường, Công ty đang ghi nhận giá trị các tài sản trên theo giá sổ sách theo Báo cáo tài chính của đơn vị nhận đầu tư. Trường hợp không thu thập được Báo cáo tài chính của đơn vị nhận đầu tư thì Công ty tạm thời dự phòng 100% giá trị trên nguyên tắc thận trọng.

Giá xuất của các tài sản tài chính này ghi nhận thông qua lãi/lỗ xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

**Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)**

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả thu nhập;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính HTM.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường chứng khoán, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động;
- Các khoản được Công ty phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được thực hiện bao gồm hợp đồng giao dịch ký quỹ và hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán. Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay.

**Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp**

Kết thúc kỳ kế toán, Công ty phải đánh giá dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp đảm bảo đối với khoản cho vay của CTCK theo quy định của pháp luật chứng khoán.

**Các khoản phải thu và dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu**

Tất cả các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty phát sinh trong năm đều được theo dõi tại chi tiêu “Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính” trên Báo cáo tình hình tài chính.

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu áp dụng).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính (theo năm), cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Máy móc, thiết bị	02 - 15
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ văn phòng	03 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 05

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là giá trị của các chương trình phần mềm phục vụ hoạt động kinh doanh, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 đến 05 năm.

#### Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

Là số tiền Công ty nộp cho Trung tâm Lưu ký chứng khoán với khoản đóng góp cố định ban đầu là 120 triệu đồng và khoản đóng hàng năm được xác định bằng 0,01% trên giá trị giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết và đăng ký giao dịch tại các SGD Chứng khoán được thanh toán qua thành viên lưu ký của năm liền trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/năm.

#### Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm khoản tiền phải trả các tổ chức cung cấp các dịch vụ mua bán các tài sản tài chính của Công ty hoặc của khách hàng qua Sở Giao dịch Chứng khoán và Công ty với tư cách là thành viên; hoặc với các đại lý tham gia phát hành chứng khoán cho tổ chức phát hành chứng khoán liên quan đến nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán của Công ty.

#### Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn góp thực tế của các cổ đông. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau khi trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty sẽ được phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

#### Doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trong đó:

#### • Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán:

Là khoản phí giao dịch chứng khoán mà Công ty được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư khi dịch vụ môi giới hoàn thành.

#### • Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ:

Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ bao gồm các khoản chênh lệch giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra; Khoản thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu, tiền lãi phát sinh các khoản tiền gửi cố định thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL; Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**Doanh thu (tiếp)**

**• Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM):**

Tiền lãi phát sinh từ danh mục tài sản tài chính HTM mà Công ty được nhận (lãi trái phiếu, lãi tiền gửi có kỳ hạn).

**• Lãi từ các khoản cho vay và phải thu:**

Lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của pháp luật.

**• Doanh thu nghiệp vụ tư vấn tài chính:**

Là doanh thu phát sinh từ cung cấp các dịch vụ tư vấn tài chính cho khách hàng phù hợp với quy định của pháp luật. Doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

**• Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán:**

Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư của Công ty được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động là khoản phí lưu ký chứng khoán thu được của nhà đầu tư có chứng khoán gửi lưu ký chứng khoán được xác định vào cuối mỗi tháng và phí quản lý sổ cổ đông.

**Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**Chi phí quản lý Công ty chứng khoán**

Bao gồm các chi phí lương, vật tư văn phòng, thuế phí lệ phí, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác phục vụ cho hoạt động quản lý của Công ty.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong năm bao gồm: Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty. Tất cả các giao dịch và số dư với bên liên quan trong năm được Công ty trình bày tại thuyết minh số 38.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Tại 31/12/2022	Tại 01/01/2022
	VND	VND
<b>Tiền</b>	<b>61.707.736.350</b>	<b>18.444.802.595</b>
Tiền mặt	49.573.689	76.072.772
Tiền gửi ngân hàng	61.656.613.044	18.366.919.771
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	1.549.617	1.810.052
<b>Cộng</b>	<b>61.707.736.350</b>	<b>18.444.802.595</b>

**6. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM**

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm CP	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm VND
<b>Năm 2022</b>		
<b>Của Công ty chứng khoán</b>	<b>11.457</b>	<b>335.908.900</b>
- Cổ phiếu	11.457	335.908.900
<b>Của nhà đầu tư</b>	<b>415.569.651</b>	<b>9.978.582.080.380</b>
- Cổ phiếu	415.569.651	9.978.582.080.380
<b>Cộng</b>	<b>415.581.108</b>	<b>9.978.917.989.280</b>
	<b>Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm CP</b>	<b>Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm VND</b>
<b>Năm 2021</b>		
<b>Của Công ty chứng khoán</b>	<b>11.400.088</b>	<b>262.651.336.600</b>
- Cổ phiếu	11.400.088	262.651.336.600
<b>Của nhà đầu tư</b>	<b>922.776.289</b>	<b>22.509.952.128.400</b>
- Cổ phiếu	922.776.289	22.509.952.128.400
<b>Cộng</b>	<b>934.176.377</b>	<b>22.772.603.465.000</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**7. TÀI SẢN TÀI CHÍNH GHI NHẬN THÔNG QUA LÃI/LỖ (FVTPL)**

**Giá trị tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2022		Tại 01/01/2022	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Cổ phiếu</b>	<b>297.247.931.200</b>	<b>9.914.437.113</b>	<b>296.912.022.300</b>	<b>356.285.099.350</b>
+ <i>Cổ phiếu niêm yết</i>	87.532.623.981	9.902.072.896	87.202.324.800	146.575.401.850
KLF	7.772.814.914	707.088.800	7.772.814.914	7.159.274.100
GAB	74.838.000.000	7.922.342.225	74.838.000.000	133.688.000.000
HAI	2.972.658.445	390.073.500	2.972.658.445	2.106.396.900
FLC	1.621.887.743	704.053.000	1.613.047.093	3.608.694.000
Khác	327.262.879	178.515.371	5.804.348	13.036.850
+ <i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	209.715.307.219	12.364.217	209.709.697.500	209.709.697.500
FCA	136.600.000.000	-	136.600.000.000	136.600.000.000
FHH	72.999.000.000	-	72.999.000.000	72.999.000.000
ITASCO	110.000.000	12.364.217	110.000.000	110.000.000
Khác	6.307.219	-	697.500	697.500

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BOS**  
Tầng 25 Tòa nhà Văn phòng 265 Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**Bảng tình hình biến động giá thị trường hoặc giá trị tài sản tài chính (FVTPL)**

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2022					
	Giá mua	Giá trị thị trường	Chênh lệch đánh giá năm nay		Chênh lệch đánh giá lại năm trước	
			VND	VND	VND	VND
Tài sản FVTPL	297.247.931.200	9.914.437.113	893.150	346.707.464.287	59.373.077.050	59.373.077.050
+ Cổ phiếu niêm yết	87.532.623.981	9.902.072.896	893.150	137.004.521.285	59.373.077.050	59.373.077.050
KLF	7.772.814.914	707.088.800	-	6.452.185.300	(613.540.814)	(613.540.814)
GAB	74.838.000.000	7.922.342.225	-	125.765.657.775	58.850.000.000	58.850.000.000
HAI	2.972.658.445	390.073.500	-	1.716.323.400	(866.261.545)	(866.261.545)
FLC	1.621.887.743	704.053.000	-	2.913.481.650	1.995.646.907	1.995.646.907
Khác	327.262.879	178.515.371	893.150	156.873.160	7.232.502	7.232.502
+ Cổ phiếu chưa niêm yết	209.715.307.219	12.364.217	-	209.702.943.002	-	-
FCA (*)	136.600.000.000	-	-	136.600.000.000	-	-
FHH (*)	72.999.000.000	-	-	72.999.000.000	-	-
ITASCO	110.000.000	12.364.217	-	97.635.783	-	-
Khác	6.307.219	-	-	6.307.219	-	-

(\*): Khoản đầu tư vào các Công ty là bên liên quan với Công ty (tại thời điểm đầu tư). Do không thu thập được Báo cáo tài chính của các đơn vị này nên Công ty đã trích lập dự phòng 100% giá trị.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**8. CÁC KHOẢN CHO VAY**

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2022		Tại 01/01/2022	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Các khoản cho vay và phải thu</b>				
+ Cho vay hoạt động giao dịch ký quỹ của nhà đầu tư (Margin) (*)	127.829.640.570	13.417.783.115	170.419.321.731	170.419.321.731
+ Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán CK của nhà đầu tư	329.985.584	329.985.584	10.846.414.048	10.846.414.048
<b>Cộng</b>	<b>128.159.626.154</b>	<b>13.747.768.699</b>	<b>181.265.735.779</b>	<b>181.265.735.779</b>

(\*) Bao gồm khoản cho vay margin mã chứng khoán GAB với giá trị 114.411.857.455 đồng đã được trích lập 100% giá trị theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2023 số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ-BOS ngày 09/10/2023.

**9. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN THỂ CHẤP**

Chỉ tiêu	Cơ sở lập dự phòng tại 31/12/2022			Giá trị lập dự phòng tại 31/12/2021 VND	Mức trích lập hoặc hoàn nhập kỳ này VND
	Giá trị sổ sách VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị lập dự phòng VND		
<b>Các khoản cho vay</b>	<b>127.829.640.570</b>	<b>13.417.783.115</b>	<b>114.411.857.455</b>	-	<b>114.411.857.455</b>
Cho vay Margin (*)	127.829.640.570	13.417.783.115	114.411.857.455	-	114.411.857.455
Cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán	329.985.584	329.985.584	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>127.829.640.570</b>	<b>13.417.783.115</b>	<b>114.411.857.455</b>	-	<b>114.411.857.455</b>

**10. CÁC KHOẢN PHẢI THU**

	Tại 31/12/2022 VND	Tại 01/01/2022 VND
<b>Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư</b>	<b>217.340.919</b>	<b>3.057.648.505</b>
· Dự thu tiền lãi - Lãi tiền gửi có kỳ hạn cố định	-	390.310.848
· Dự thu tiền lãi nghiệp vụ cho vay ký quỹ	217.340.919	2.667.337.657
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>2.760.847.500</b>	<b>3.866.187.700</b>
Trả trước cho người bán khác	2.760.847.500	3.866.187.700
<b>Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp</b>	<b>29.247.385.928</b>	<b>29.305.529.105</b>
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	4.555.553	38.670.035
Phải thu hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp	265.500.000	301.500.000
Phải thu hoạt động lưu ký chứng khoán	98.869.855	86.892.670
Phải thu dịch vụ khác	28.878.460.520	28.878.466.400
<b>Phải thu khác</b>	<b>550.142.548.569</b>	<b>63.982.764.387</b>
HĐTG tại Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (1)	467.155.415.291	-
Phải thu tiền đặt cọc (2)	63.500.000.000	63.500.000.000
· Phải thu khác của NĐT (3)	18.813.229.593	-
Phải thu khác	673.903.685	482.764.387
<b>Cộng</b>	<b>582.368.122.916</b>	<b>100.212.129.697</b>

(1) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng hải (MSB) nhưng MSB tự thu giữ và chưa giải thích đầy đủ nguyên nhân cho Công ty. Khoản này đã được trích lập dự

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BOS**Tầng 25 Tòa nhà văn phòng 265 Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng,  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31/12/2022**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

phòng 100% giá trị theo Nghị Quyết đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2023 số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ-BOS ngày 09/10/2023.

**10. CÁC KHOẢN PHẢI THU (TIẾP)**

- (2) Là khoản đặt cọc theo 03 hợp đồng đặt cọc mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Hợp lực - UNICAP với các đơn vị có liên quan đến các cá nhân bị khởi tố theo vụ án thao túng thị trường chứng khoán mà các cá nhân này đang là đại diện pháp luật (Công ty Cổ phần Vật tư thiết bị và xây dựng Đô Thành Hà Nội, Công ty TNHH Đầu tư và phát triển IMR, Công ty TNHH Đầu tư thương mại và XNK Tâm An). Khoản này đã được trích lập dự phòng 100% giá trị theo Nghị Quyết đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2023 số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ-BOS ngày 09/10/2023.
- (3) Là khoản tiền chênh lệch bù trừ giữa phần thu nợ và giải ngân của hoạt động cho vay margin và ứng trước tiền bán trên tài khoản của Nhà đầu tư mà Công ty phải thu về, Công ty hiện vẫn đang được sử dụng bình thường trong hoạt động kinh doanh. Do tiền của Nhà đầu tư chủ yếu đang ở các ngân hàng khác ngoài ngân hàng BIDV như: Techcombank, Vietcombank, Vietinbank, MB Bank... nên Công ty không thể rút về tài khoản Công ty (Do việc thay đổi người đại diện pháp luật của Công ty chưa được chấp thuận để thay đổi thông tin chủ tài khoản cho các ngân hàng này).

**11. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Loại phải thu khó đòi phải lập dự phòng	Giá trị phải thu khó đòi	Năm 2022			
		Số trích lập trong năm	Số hoàn nhập trong năm	Tại 31/12/2022	Tại 01/01/2022
				VND	VND
<b>1. Dự phòng phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp</b>	<b>29.296.702.403</b>	<b>277.854.917</b>	<b>-</b>	<b>29.296.702.403</b>	<b>29.018.847.486</b>
- Đặng Thị Hoàn	1.985.767.855	-	-	1.985.767.855	1.985.767.855
- Đặng Thị Hồng Hà	1.802.130.395	-	-	1.802.130.395	1.802.130.395
- Đinh Thị Kim Thúy	1.128.657.078	-	-	1.128.657.078	1.128.657.078
- Mai Đức Nam	2.392.082.423	-	-	2.392.082.423	2.392.082.423
- Nguyễn Thị Cẩm Tú	3.245.015.924	-	-	3.245.015.924	3.245.015.924
- Nguyễn Thị Nga	1.744.423.468	-	-	1.744.423.468	1.744.423.468
- Nguyễn Trà My	2.444.898.378	-	-	2.444.898.378	2.444.898.378
- Nguyễn Tuấn Anh	3.167.341.425	-	-	3.167.341.425	3.167.341.425
- Võ Hưng Hiếu	2.791.041.936	-	-	2.791.041.936	2.791.041.936
- Các đối tượng khác	8.595.343.521	277.854.917	-	8.595.343.521	8.317.488.604
<b>2. Dự phòng các khoản ứng trước cho người bán</b>	<b>90.287.500</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>90.287.500</b>	<b>90.287.500</b>
<b>3. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu khác</b>	<b>530.655.415.291</b>	<b>530.655.415.291</b>	<b>-</b>	<b>530.655.415.291</b>	<b>-</b>
- Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Xuất nhập khẩu Tâm An	26.000.000.000	26.000.000.000	-	26.000.000.000	-
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển IMR	17.500.000.000	17.500.000.000	-	17.500.000.000	-
- CTCP Vật tư thiết bị và Xây dựng Đô Thành Hà Nội	20.000.000.000	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	467.155.415.291	467.155.415.291	-	467.155.415.291	-
<b>Cộng</b>	<b>560.042.405.194</b>	<b>530.933.270.208</b>	<b>-</b>	<b>560.042.405.194</b>	<b>29.109.134.986</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BOS**Tầng 25 Tòa nhà văn phòng 265 Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng,  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31/12/2022**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Tại 31/12/2022	Tại 01/01/2022
	VND	VND
<b>Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	<b>200.813.599</b>	<b>574.852.393</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	18.190.015	308.406.225
Chi phí khác	182.623.584	266.446.168
<b>Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>28.529.734</b>	<b>39.718.859</b>
Chi phí khác	28.529.734	39.718.859
<b>Cộng</b>	<b>229.343.333</b>	<b>614.571.252</b>

**13. CẦM CỐ, THẾ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỘC NGẮN HẠN**

	Tại 31/12/2022	Tại 01/01/2022
	VND	VND
Đặt cọc thuê văn phòng	316.000.000	316.000.000
Đặt cọc cho Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC để mua bất động sản (*)	31.709.160.000	31.709.160.000
<b>Cộng</b>	<b>32.025.160.000</b>	<b>32.025.160.000</b>

(\*) Là khoản đặt cọc mua căn hộ FLC theo hợp đồng đặt cọc số MB5-1/2021/FLCQN-BĐ/HĐĐC ngày 29/12/2021 giữa Công ty Cổ phần CK BOS và Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC về việc BOS đặt cọc để mua biệt thự BT03-11 tại thành phố Quy Nhơn. Ngày 15/09/2023, hai bên đã ký biên bản thanh lý đặt cọc, đồng thời ký hợp đồng mua bán số BT34-04/2023/FLC-LUXCITY/HĐMB về việc chuyển sang mua nhà ở BT34-04 Dự án khu đô thị sinh thái FLC Sầm Sơn tại phường Quảng Cư, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Theo điều khoản thanh lý hợp đồng đặt cọc, FLC hoàn trả tiền đặt cọc cho BOS và BOS đồng ý dùng khoản thanh toán để thực hiện việc đối trừ nghĩa vụ thanh toán với HĐMB nhà ở số BT34-04/2023/FLC-LUXCITY/HĐMB ngày 15/09/2023. Tại ngày 05 tháng 10 năm 2023, hai bên đã làm thủ tục nghiệm thu, bàn giao nhà ở nêu trên.

**14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Chương trình phần mềm VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại 01/01/2022	23.579.737.400	1.434.782.548	25.014.519.948
Tại 31/12/2022	23.579.737.400	1.434.782.548	25.014.519.948
<b>HAO MÒN LUYỄN KẾ</b>			
Tại 01/01/2022	14.833.503.297	1.428.788.255	16.262.291.552
Khấu hao trong năm	3.535.016.685	5.994.293	3.541.010.978
Tại 31/12/2022	18.368.519.982	1.434.782.548	19.803.302.530
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại 01/01/2022	8.746.234.103	5.994.293	8.752.228.396
Tại 31/12/2022	5.211.217.418	-	5.211.217.418

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BOS**

Tầng 25 Tòa nhà văn phòng 265 Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng,  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31/12/2022

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Tại ngày 31/12/2022, tổng nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 4.334.947.000 VND.

**15. TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

	Tại 31/12/2022	Tại 01/01/2022
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung hàng năm	12.909.609.913	11.534.034.871
Tiền lãi phân bổ hàng năm	4.876.251.479	4.145.636.644
<b>Cộng</b>	<b>17.905.861.392</b>	<b>15.799.671.515</b>

**16. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC**

	Tại 31/12/2022	Tại 01/01/2022
	VND	VND
<b>Quỹ bù trừ chứng khoán phái sinh</b>		
Tiền nộp ban đầu	10.000.000.000	10.000.000.000
Tiền lãi phân bổ trong năm	60.972.700	40.926.843
<b>Cộng</b>	<b>10.060.972.700</b>	<b>10.040.926.843</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BOS**

Tầng 25 Tòa nhà Văn phòng 265 Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***17. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại 01/01/2022	14.475.323.775	2.541.597.300	117.244.000	17.134.165.075
Mua trong năm	551.192.400	-	-	551.192.400
Tại 31/12/2022	15.026.516.175	2.541.597.300	117.244.000	17.685.357.475
<b>HAO MÒN LUY KẾ</b>				
Tại 01/01/2022	12.687.619.876	1.621.793.805	91.533.079	14.400.946.760
Khấu hao trong năm	1.642.114.405	144.264.000	20.568.756	1.806.947.161
Tại 31/12/2022	14.329.734.281	1.766.057.805	112.101.835	16.207.893.921
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại 01/01/2022	1.787.703.899	919.803.495	25.710.921	2.733.218.315
Tại 31/12/2022	696.781.894	775.539.495	5.142.165	1.477.463.554

Tại ngày 31/12/2022, tổng nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 5.084.335.795 VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**18. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

	Tại 31/12/2022 VND	Tại 01/01/2022 VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	19.697.687	1.246.423.749
Phải trả Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD)	42.769.278	51.552.556
Phải trả giao dịch mua chứng khoán	1.035.163.500	1.034.939.300
Phải trả hoa hồng CTV	50.856.966	130.553.672
<b>Cộng</b>	<b>1.148.487.431</b>	<b>2.463.469.277</b>

**19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Tại 01/01/2022 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Tại 31/12/2022 VND
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	27.500.000	80.834.627	108.334.627	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.226.628.513	-	6.183.188.732	(2.956.560.219)
- Thuế thu nhập cá nhân	693.823.802	2.860.398.740	3.461.390.555	92.831.987
- Các loại thuế khác	-	23.599.279	23.599.279	-
<b>Cộng</b>	<b>3.947.952.315</b>	<b>2.964.832.646</b>	<b>9.776.513.193</b>	<b>(2.863.728.232)</b>
<i>Trong đó:</i>				
- Phải nộp	3.947.952.315			92.831.987
- Phải thu	-			2.956.560.219

**20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Tại 31/12/2022 VND	Tại 01/01/2022 VND
Chi phí quản lý CTCK	809.190.000	793.730.000
<b>Cộng</b>	<b>809.190.000</b>	<b>793.730.000</b>

**21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	Tại 31/12/2022 VND	Tại 01/01/2022 VND
Phải trả khác	276.993.404	276.091.092
<b>Cộng</b>	<b>276.993.404</b>	<b>276.091.092</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BOS**

Tầng 25 Tòa nhà Văn phòng 265 Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***22. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Bảng biến động vốn Chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Vốn khác của chủ sở hữu		Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		Quỹ khác thuộc VCSH		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng				
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND			
01/01/2021	969.225.090.000	(219.330.000)	524.623.997	10.724.210.951	11.263.566.694	1.349.230.439	131.329.524.138	1.124.196.916.219											
- Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	33.890.875.937	33.890.875.937											
- Chi quỹ	-	-	-	-	-	-	(575.000.001)	(575.000.001)											
31/12/2021	969.225.090.000	(219.330.000)	524.623.997	10.724.210.951	11.263.566.694	774.230.438	165.220.400.075	1.157.512.792.155											
01/01/2022	969.225.090.000	(219.330.000)	524.623.997	10.724.210.951	11.263.566.694	774.230.438	165.220.400.075	1.157.512.792.155											
- Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-	(986.229.401.357)	(986.229.401.357)											
- Thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	-	-	-	(759.812.517)	(759.812.517)											
31/12/2022	969.225.090.000	(219.330.000)	524.623.997	10.724.210.951	11.263.566.694	14.417.921	(821.009.001.282)	170.523.578.281											

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**Chi tiết về vốn chủ sở hữu**

Cổ đông	Tại 31/12/2022		Tại 01/01/2022	
	Số vốn thực góp VND	Tỷ lệ %	Số vốn thực góp VND	Tỷ lệ %
Bà La Mỹ Phượng	58.399.000.000	6,03%	60.000.000.000	6,19%
Các cổ đông khác	910.826.090.000	93,97%	909.225.090.000	93,81%
<b>Cộng</b>	<b>969.225.090.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>969.225.090.000</b>	<b>100,00%</b>

**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	969.225.090.000	969.225.090.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	969.225.090.000	969.225.090.000

**Tình hình phát hành cổ phiếu:**

	Tại 31/12/2022 Cổ phiếu	Tại 01/01/2022 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	96.922.509	96.922.509
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>96.922.509</b>	<b>96.922.509</b>
+ Cổ phiếu phổ thông	96.922.509	96.922.509
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>96.922.509</b>	<b>96.922.509</b>
+ Cổ phiếu phổ thông	96.922.509	96.922.509
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**23. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI VSD CỦA CTCK**

	Tại 31/12/2022	Tại 01/01/2022
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	20.914.980.000	20.249.340.000
<b>Cộng</b>	<b>20.914.980.000</b>	<b>20.249.340.000</b>

**24. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA CTCK**

	Tại 31/12/2022	Tại 01/01/2022
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	81.110.820.000	81.110.000.000
<b>Cộng</b>	<b>81.110.820.000</b>	<b>81.110.000.000</b>

**25. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CTCK**

	Tại 31/12/2022	Tại 01/01/2022
	VND	VND
Tài sản tài chính chưa niêm yết/ đăng ký giao dịch mà tổ chức phát hành đã đăng ký chứng khoán tại VSD nhưng CTCK chưa lưu ký tại VSD	49.050.000.000	49.050.000.000
<b>Cộng</b>	<b>49.050.000.000</b>	<b>49.050.000.000</b>

**26. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI VSD CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	Tại 31/12/2022	Tại 01/01/2022
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	379.579.010.000	1.345.602.750.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	1.406.000.000	-
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	8.000.000.000	8.000.000.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ (*)	944.641.980.000	2.372.770.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	6.981.600.000	13.858.490.000
<b>Cộng</b>	<b>1.340.608.590.000</b>	<b>1.369.834.010.000</b>

(\*) Tại ngày 31/12/2022, trong đó:

- Mã FLC:	811.973.550.000 đồng
- Mã GAB:	85.112.000.000 đồng
- Mã ART:	36.560.000.000 đồng
- Mã ROS:	10.138.490.000 đồng
- Mã AMD:	48.000.000 đồng
- Mã KLF:	21.580.000 đồng
- Mã HAI:	20.000 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**27. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	Tại 31/12/2022	Tại 01/01/2022
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	30.916.720.000	32.282.740.000
<b>Cộng</b>	<b>30.916.720.000</b>	<b>32.282.740.000</b>

**28. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHỜ VỀ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	Tại 31/12/2022	Tại 01/01/2022
	VND	VND
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	4.008.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>4.008.000.000</b>	<b>-</b>

**29. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG**

	Tại 31/12/2022	Tại 01/01/2022
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (*)	47.861.086.397	136.584.859.650
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	1.159.673.270	140.859.348
<b>Cộng</b>	<b>49.020.759.667</b>	<b>136.725.718.998</b>

(\*) Tại 31/12/2022, bao gồm: khoản chênh lệch đi vay margin và ứng trước tiền bán và phần đã trả nợ của Nhà đầu tư với Công ty với giá trị 18.813.229.593 đồng (do việc thay đổi người đại diện pháp luật chưa được UBCKNN chấp thuận để thay đổi thông tin chủ tài khoản), xem tại Thuyết minh số 10.

**30. PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ VỀ TIỀN GỬI GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THEO PHƯƠNG THỨC CTCK QUẢN LÝ**

	Tại 31/12/2022	Tại 01/01/2022
	VND	VND
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	30.204.506.136	136.579.413.011
<b>Cộng</b>	<b>30.204.506.136</b>	<b>136.579.413.011</b>

**31. CỔ TỨC, TIỀN LÃI PHÁT SINH TỪ FVTPL, CÁC KHOẢN CHO VAY, HTM, AFS**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Từ tài sản tài chính FVTPL (cổ tức cổ phiếu)	5.124.929	92.212
Từ tài sản tài chính HTM (lãi phân bổ)	3.455.408.605	15.253.620.323
Từ các khoản cho vay (lãi cho vay)	9.130.973.491	31.636.247.006
<b>Cộng</b>	<b>12.591.507.025</b>	<b>46.889.959.541</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**32. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	10.379.471.020	15.433.783.334
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	644.493.518	624.122.459
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	463.615.240	956.700.033
Chi phí dự phòng	114.411.857.455	-
<b>Cộng</b>	<b>125.899.437.233</b>	<b>17.014.605.826</b>

**33. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	950.094.999	973.541.257
<b>Cộng</b>	<b>950.094.999</b>	<b>973.541.257</b>

**34. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí lương và các khoản khác theo lương	7.550.357.333	7.213.125.054
Chi phí vật tư văn phòng	424.613.994	346.760.533
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.276.992.683	2.164.586.022
Chi phí thuế, phí và lệ phí	3.000.000	14.589.600
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.815.919.673	2.996.179.239
Chi phí dự phòng	63.777.854.917	-
Chi phí bằng tiền khác	7.311.899	6.703.182
<b>Cộng</b>	<b>76.856.050.499</b>	<b>12.741.943.630</b>

**35. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Phạt chậm nộp thuế	-	5.766.700
Phạt vi phạm hành chính	-	210.000.000
Chi phí dự phòng phải thu các HĐTG tại MSB (*)	467.155.415.291	-
Chi phí khác	20.599.279	-
<b>Cộng</b>	<b>467.176.014.570</b>	<b>215.766.700</b>

(\*) Dự phòng liên quan đến khoản chênh lệch thiếu tiền gửi có kỳ hạn chưa rõ nguyên nhân tại ngân hàng MSB theo Nghị Quyết đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2023 số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ-BOS ngày 09/10/2023 (xem tại Thuyết minh số 10).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**36. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	<b>(986.229.401.357)</b>	<b>47.601.594.397</b>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	96.922.509	96.922.509
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>(10.175)</b>	<b>491,13</b>

**37. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Công ty đã thực hiện theo dõi doanh thu và chi phí theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh chính. Tuy nhiên, các khoản chi phí khác trong kỳ không tách riêng được, do đó, Công ty không trình bày thông tin báo cáo theo bộ phận và cho rằng việc không trình bày nội dung này không ảnh hưởng trọng yếu tới việc trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

**38. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Các khoản lương, thưởng của Ban Quản trị và thù lao Hội đồng Quản trị trong năm như sau:*

Chức danh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Thu nhập Ban lãnh đạo</b>	<b>753.515.500</b>	<b>1.622.400.000</b>
Bà Nguyễn Quỳnh Anh Tổng Giám đốc	479.273.500	1.020.000.000
Bà Trịnh Thị Thúy Nga Phó Tổng Giám đốc	274.242.000	602.400.000
<b>Thù lao Hội đồng Quản trị</b>	<b>1.035.318.814</b>	<b>407.000.001</b>
Bà Phạm Thị Thanh Mai Chủ tịch HĐQT	96.487.704	-
Ông Lê Bá Phương Chủ tịch/Thành viên HĐQT	163.807.115	-
Ông Trịnh Văn Nam Chủ tịch/Thành viên HĐQT	163.659.420	-
Bà Hương Trần Kiều Dung Chủ tịch HĐQT	115.777.778	167.000.001
Ông Chu Tiến Vượng Chủ tịch HĐQT	395.369.405	60.000.000
Bà Nguyễn Quỳnh Nga Thành viên HĐQT	42.608.696	60.000.000
Bà Trịnh Thị Thúy Nga Thành viên HĐQT	15.000.000	60.000.000
Ông Lê Bá Nguyên Thành viên HĐQT	42.608.696	60.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.788.834.314</b>	<b>2.029.400.001</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**38. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

Ngoài các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Quản trị, các bên liên quan khác với Công ty:

TT	Công ty	Mối quan hệ
1	Công ty Cổ phần Tập Đoàn FLC	Bên liên quan với nguyên Chủ tịch/thành viên HĐQT
2	Công ty TNHH Đầu tư thương mại và xuất nhập khẩu Tâm An	Bên liên quan với nguyên Chủ tịch/thành viên HĐQT
3	Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Đầu tư phát triển Thịnh Phát	Bên liên quan với nguyên Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Trịnh Văn Quyết	Bên liên quan của thành viên HĐQT
5	CTCP Quản lý vốn và Tài sản FLC Holding	Bên liên quan với nguyên Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
6	CTCP Đầu tư kinh doanh Phát triển Bất động sản FLCHOMES	Bên liên quan với nguyên Chủ tịch/thành viên HĐQT
7	CTCP Đầu tư khai khoáng và Quản lý tài sản FLC	Bên liên quan với nguyên Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

**Giao dịch với các bên liên quan**

	Năm 2022 VND
<b>Cho vay margin</b>	<b>150.529.355.850</b>
- Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Đầu tư phát triển Thịnh Phát	150.529.355.850
<b>Thu nợ cho vay margin</b>	<b>150.529.355.850</b>
- Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Đầu tư phát triển Thịnh Phát	150.529.355.850
<b>Doanh thu phí lưu ký</b>	<b>131.145.465</b>
- Công ty Cổ phần Tập Đoàn FLC	68.376.630
- Ông Trịnh Văn Quyết	61.781.641
- Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Đầu tư phát triển Thịnh Phát	987.194
<b>Doanh thu môi giới</b>	<b>269.155.350</b>
- Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Đầu tư phát triển Thịnh Phát	269.155.350
<b>Thu nhập từ các khoản cho vay</b>	<b>52.292.931</b>
- Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Đầu tư phát triển Thịnh Phát	52.292.931

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**38. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

**Số dư với các bên liên quan**

	Tại 31/12/2022	Tại 01/01/2022
	VND	VND
<b>Cho vay hoạt động margin</b>	<b>30.000.000.000</b>	-
- Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Xuất nhập khẩu Tâm An	30.000.000.000	-
<b>Phải thu về khoản đặt cọc</b>	<b>26.000.000.000</b>	<b>26.000.000.000</b>
- Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Xuất nhập khẩu Tâm An	26.000.000.000	26.000.000.000
<b>Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp</b>	<b>40.286.560</b>	<b>36.895.950</b>
- Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC	39.173.350	36.895.950
- Công ty TNHH Đầu tư thương mại và xuất nhập khẩu Tâm An	1.113.210	-
<b>Cầm cố, ký quỹ, ký cược</b>	<b>31.709.160.000</b>	<b>31.709.160.000</b>
- Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC	31.709.160.000	31.709.160.000
<b>Giá mua chứng khoán còn nắm giữ</b>	<b>286.058.887.743</b>	<b>286.050.047.093</b>
- Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC	1.621.887.743	1.613.047.093
- CTCP Đầu tư kinh doanh Phát triển Bất động sản FLCHOMES	72.999.000.000	72.999.000.000
- CTCP Quản lý vốn và Tài sản FLC Holding	136.600.000.000	136.600.000.000
- CTCP Đầu tư khai khoáng và Quản lý tài sản FLC	74.838.000.000	74.838.000.000

**39. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Tại thời điểm 31/12/2022, lỗ lũy kế của Công ty là 821.009.001.282 đồng, hoạt động của Công ty cũng đang hạn chế, Người đại diện pháp luật của Công ty chưa được UBCKNN chấp thuận, các nghĩa vụ tiềm tàng của Công ty chưa được các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phán quyết (Xem thêm thuyết minh số 40, 41, 42). Ban lãnh đạo khẳng định rằng, Công ty đang tập trung nhiều nguồn lực giải quyết các vấn đề liên quan để Công ty có thể hoạt động bình thường, tình hình tài chính hiện tại Công ty hoàn toàn có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ, do đó Báo cáo tài chính kèm theo này vẫn được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

**40. SỰ KIẾN BẤT THƯỜNG**

Tháng 4 năm 2022, một số cá nhân lãnh đạo Công ty đã bị cơ quan điều tra Bộ Công An ra quyết định khởi tố bắt tạm giam để thực hiện điều tra Vụ án thao túng thị trường chứng khoán và Lừa đảo chiếm đoạt tài sản xảy ra tại Công ty CP Tập đoàn FLC, Công ty CP Chứng khoán BOS, Công ty CP Xây dựng Faros và các công ty liên quan (“*Vụ án thao túng thị trường chứng khoán*”). Cho đến thời điểm hiện nay, cơ quan Cảnh sát điều tra và các cơ quan tố tụng vẫn đang trong quá trình giải quyết vụ án và chưa có phán quyết cuối cùng. Một số thông tin vụ việc liên quan như sau:

- Ngày 05/04/2022, cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công An đã ra quyết định khởi tố bị can và bắt tạm giam đối với đối với Bà Trịnh Thị Thúy Nga - nguyên là Phó Tổng Giám đốc - Thành viên hội đồng quản trị Công ty.
- Ngày 08/04/2022, Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ Công an đã khởi tố bà Hương Trần Kiều Dung - nguyên Chủ tịch Hội đồng quản trị, Bà Nguyễn Quỳnh Anh - nguyên Tổng Giám đốc Công ty.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**40. SỰ KIỆN BẤT THƯỜNG (TIẾP)**

- Ngày 22/6/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an đã ban hành các Quyết định khởi tố bị can, Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với 15 đối tượng. Trong đó có: 5 đối tượng là nhân viên Công ty Chứng khoán BOS gồm Nguyễn Thị Thanh Phương, Bùi Ngọc Tú, Nguyễn Thị Thu Thơm, Quách Thị Xuân Thu, Trần Thị Lan và các cá nhân liên quan khác bao gồm: Trịnh Văn Đại, Nguyễn Văn Mạnh, Trịnh Văn Nam (Nguyên chủ tịch/thành viên Hội đồng quản trị của Công ty), Nguyễn Quang Trung, Nguyễn Thị Hồng Dung, Trịnh Thị Thanh Huyền, Nguyễn Thị Nga, Trịnh Tuấn, Đỗ Thị Huyền Trang và Hoàng Thị Huệ.
- Ngày 28/10/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an thông báo kết quả điều tra, xử lý vụ án hình sự về tội “Thao túng thị trường chứng khoán và Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, xảy ra tại Công ty CP Tập đoàn FLC, Công ty CP Chứng khoán BOS, Công ty CP Xây dựng Faros và các công ty liên quan. Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an ban hành Kết luận điều tra vụ án hình sự số 34/KL-VPCQCSĐT và chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án đến Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Ban lãnh đạo Công ty cho rằng: việc khởi tố các cá nhân nêu trên chỉ liên quan đến trách nhiệm của các cá nhân trong quá trình thực hiện công việc của Công ty.

Ngoài ra, trên Báo cáo tài chính năm 2022 có một số khoản mục và giao dịch liên quan đến vụ việc trên, cụ thể như sau:

- ✓ Giá trị Công ty trực tiếp đầu tư vào các mã cổ phiếu bị coi là Vụ việc thao túng chứng khoán (FLC, GAB, ROS, HAI, KLF) tại ngày 31/12/2022 sau khi đã đánh giá lại là khoảng 9,7 tỷ đồng (theo giá gốc là khoảng 87,2 tỷ đồng);
- ✓ Trong năm 2022, Công ty đã thực hiện các giao dịch cho vay ký quỹ với các doanh nghiệp mà người đại diện theo pháp luật là đối tượng bị khởi tố và các cá nhân bị khởi tố trong vụ án với giá trị là khoảng 4.357 tỷ đồng (bao gồm các đối tượng là bên liên quan của Công ty là 121 tỷ đồng; các đối tượng liên quan đến các cá nhân khác bị khởi tố là 4.236 tỷ đồng); Số dư gốc cho vay ký quỹ tại 31/12/2022 là 114,4 tỷ đồng;

***Người đại diện pháp luật của Công ty chưa được UBCKNN chấp thuận***

Theo điều lệ Công ty thì người đại diện pháp luật là Chủ tịch HĐQT. Theo Nghị quyết HĐQT số 04/2023/NQ-HĐQT-BOS ngày 10/04/2023 thì Bà Lê Thị Trúc Quỳnh đã được HĐQT bầu làm chủ tịch HĐQT và là người đại diện pháp luật. Tuy nhiên, đến thời điểm lập báo cáo này Công ty đã có văn bản gửi UBCKNN nhưng chưa được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận bằng văn bản việc thay đổi người đại diện pháp luật.

Trong quá trình chờ UBCKNN chấp thuận thì Bà Lê Thị Trúc Quỳnh sẽ là người đại diện pháp luật và ký Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty.

**41. CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG**

Trong năm 2022, Doanh thu môi giới, lãi cho vay giao dịch ký quỹ, lãi ứng trước tiền bán, phí lưu ký liên quan với các doanh nghiệp mà các người đại diện pháp luật là các đối tượng bị khởi tố vụ án và các cá nhân bị khởi tố trong vụ án khoảng trên 10 tỷ đồng. Trong các năm trước, cũng có thể có các khoản doanh thu môi giới, lãi cho vay ký quỹ, lãi ứng trước tiền bán đến vụ việc nêu trên. Hiện nay, chưa có kết luận chính thức của cơ quan điều tra nên Công ty chưa có cơ sở để xác định được giai đoạn, thời điểm và giá trị doanh thu liên quan đến vụ việc thao túng chứng khoán nêu trên nên không có cơ sở xử lý. Trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền phán quyết, Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh các phán quyết có liên quan.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**42. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

*Tình trạng kiểm soát, hoạt động hạn chế, rút bớt nghiệp vụ kinh doanh*

- Theo Quyết định số 864/QĐ-SGDHN ngày 18/08/2023 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội: Cổ phiếu ART của Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS bị đình chỉ giao dịch từ ngày 25/08/2023 do vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin.
- Theo Quyết định số 70/QĐ-SGDVN ngày 18/08/2023 của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam: Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS bị đình chỉ hoạt động mua chứng khoán trên thị trường chứng khoán niêm yết, thị trường đăng ký giao dịch và thị trường chứng khoán phái sinh tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Theo quyết định số 143/QĐ-VSDC ngày 07/11/2023 của Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam: hủy bỏ tư cách thành viên bù trừ chứng khoán phái sinh đối với Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS và chấm dứt hiệu lực của Giấy chứng nhận thành viên bù trừ số 19/GCNTVBT ngày 18/12/2019 do Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam cấp cho Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS.
- Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2023 số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ-BOS ngày 09/10/2023 đã thông qua việc: chấm dứt tự nguyện hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh, chấm dứt tự nguyện hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tự nguyện hủy bỏ tư cách thành viên giao dịch chứng khoán phái sinh tại Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam, hủy bỏ tư cách thành viên bù trừ tự nguyện chứng khoán phái sinh tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc liên quan; xử lý các vấn đề trong hoạt động tài chính, đầu tư của Công ty theo Tờ trình số 06/2023/TTr-HĐQT-BOS ngày 06/10/2023 của Hội đồng quản trị vào Báo cáo tài chính năm 2022.

**43. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán.



Nguyễn Thị Hạnh  
Người lập biểu



Đào Thị Kim Ngân  
Kế toán trưởng



Lê Thị Trúc Quỳnh  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Hà Nội, ngày 17 tháng 11 năm 2023